

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/KDTM-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Chi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Thạch Thị Mỹ Kim
- Ông Lê Hoàng Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Giữ, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2024/TLST-KDTM, ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-KDTM, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần R

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị N, Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà N là bà Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/11/1989, địa chỉ: Ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 08/4/2024

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu T, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: 40, ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2024 và lời khai của phía nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị Thùy L trình bày:

Từ ngày 01/11/2021, Công ty cổ phần R có ký kết hợp đồng kinh tế số: SAL21.014-HDMB với Công ty TNHH N1 về việc cung cấp máy hàn dán khay bán tự động. Theo thỏa thuận đã ký kết, công ty C đã bàn giao hàng đầy đủ và xuất hóa đơn với số tiền tổng giá trị hàng hóa là 335.500.000 (ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng. Công ty TNHH N1 đã thực hiện việc thanh toán cho công ty chúng tôi 30% số tiền giá trị hợp đồng là 134.200.000 (một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng và còn nợ lại 70% giá trị hợp đồng là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng sẽ được thanh toán sau khi nhận máy và sau 02 tháng ký nghiệm thu. Ngày Công ty cổ phần R và Công ty TNHH N1 đã lập biên bản nghiệm thu và kiểm phiếu bảo hàng vào ngày 28/12/2021. Như vậy, vào ngày 28/02/2022 là thời điểm Công ty TNHH N1 thanh toán 70% giá trị hợp đồng cho Công ty cổ phần R. Tuy nhiên, Công ty TNHH N1 đã không thực hiện việc thanh toán số tiền này theo như thỏa thuận. Công ty C đã nhiều lần liên hệ Công ty TNHH N1 để yêu cầu trả số tiền hàng còn nợ nhưng Công ty TNHH N1 cứ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Nhận thấy Công ty TNHH N1 không có thiện chí hợp tác trong việc trả tiền nợ của công ty chúng tôi đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty C. Nay tôi đại diện cho nguyên đơn Công ty cổ phần R yêu cầu bị đơn Công ty TNHH N1 phải trả cho Công ty cổ phần R số tiền còn nợ là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.*

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Thùy L là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R là yêu cầu bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần R VIETNAM số tiền mua hàng còn nợ là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cũng không đương sự nào cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về: thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị

đơn không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 117, 119, 351 Bộ luật dân sự. Áp dụng Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần R VIETNAM số tiền mua hàng còn nợ là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Tranh chấp hợp đồng mua bán”, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 nợ tiền mua hàng của nguyên đơn Công ty cổ phần R là có thật, được thể hiện tại Hợp đồng mua bán số: SAL21,014-HDMB, ngày 01/11/2021 (BL 06-12), Biên bản bàn giao ngày 13/12/2021 (BL 13-14). Ngày 28/12/2021, hai công ty đã tiến hành lập biên bản nghiệm thu và kiêm phiếu bảo hành với tổng số tiền Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 còn nợ Công ty cổ phần R là 335.500.000 (ba trăm ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn) đồng (BL 15-17). Sau khi thực hiện việc nghiệm thu xong thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 thanh toán cho Công ty cổ phần R được 134.200.000 (một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm nghìn) đồng vào ngày 09/12/2021, sau đó thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 không tiếp tục thực hiện việc thanh toán nên số tiền còn nợ là

201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng. Vì bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 vi phạm thỏa thuận thanh toán nên nguyên đơn Công ty cổ phần R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do xem như phía bị đơn cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ và cũng thể hiện bị đơn đã từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của phía mình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R yêu cầu bị Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng cho nguyên đơn Công ty cổ phần R.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn Công ty cổ phần R không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 398; 430; 440; 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 24; Điều 50; Điều 306 và Điều 317 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần R.

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần R VIETNAM số tiền mua hàng còn nợ là 201.300.000 (hai trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày 10/8/2024, nếu bên phải thi hành án vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N1 phải nộp 10.065.000 (mười triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Công ty cổ phần R không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.000.000 (năm triệu) đồng mà Công ty cổ phần R đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003783, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú để Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TTV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Chi